

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2022/HNGĐ-PT  
Ngày 13 - 12 - 2022  
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con,  
chia tài sản chung, nợ chung khi ly hôn

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẠC LIÊU**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Bùi Anh Tuấn

*Các Thẩm phán:* Bà Nguyễn Thị Thu Hương

Bà Châu Minh Nguyệt

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Thị Yến - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa:** Ông Trịnh Út Mười - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu xét xử công khai vụ án Hôn nhân và gia đình phúc thẩm thụ lý số 19/2022/TLPT-HNGĐ ngày 02 tháng 11 năm 2022 về “Ly hôn, tranh chấp việc nuôi con, chia tài sản chung, nợ chung khi ly hôn”.

Do Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 68/2022/HNGĐ-ST ngày 22 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Bạc Liêu bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2022/QĐ-PT ngày 23 tháng 11 năm 2022 giữa các đương sự;

- *Nguyên đơn:* Chị Châu Hồng D, sinh năm 1984, (có mặt)

Địa chỉ: ấp T, thị trấn C, huyện V, tỉnh Bạc Liêu. Chỗ ở hiện nay: Thuê nhà ở Phường 8, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu.

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Hữu T, sinh năm 1979, (có mặt)

Địa chỉ: ấp T, thị trấn C, huyện V, tỉnh Bạc Liêu.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu

Trụ sở: 442 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 5, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Từ Tiên P – Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Anh Trần Trung T, sinh năm 1999, (có mặt).

Địa chỉ: Số 41-41B-41C, đường 30/4, phường Tân An, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.

2. Bà Châu Thúy M, sinh năm 1978, (có mặt)

Địa chỉ: Ấp 3, xã P, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu.

3. Bà Châu Hồng Y, sinh năm 1989, (có mặt)

Địa chỉ: Ấp 3, xã P, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu.

- *Người kháng cáo:* Bị đơn anh Nguyễn Hữu T, sinh năm 1979 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng Thương mại cổ phần Á Châu.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện ngày 06/12/2022, biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa chị Châu Hồng D và anh Nguyễn Hữu T thống nhất trình bày:* Anh, chị xây dựng hôn nhân năm 2008 trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ hỏi, cưới theo phong tục, tập quán địa phương, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường 8, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu và đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 04, quyền số 01/2008 ngày 03/01/2008.

Nguyên nhân dẫn đến việc ly hôn: Theo chị D xác định, do kinh tế gia đình khó khăn, vợ chồng thường xuyên cự cãi, anh T có lần đánh chị, nên chị dẫn hai đứa con đi thuê nhà trọ ở, trong thời gian chị thuê nhà trọ ở anh T không quan tâm và vợ chồng không có biện pháp hàn gắn để vợ chồng về chung sống với nhau. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không thể kéo dài nên xin được ly hôn.

Theo anh T xác định vợ chồng có xảy ra nhiều mâu thuẫn do bất đồng trong cuộc sống, có lần tức giận anh có đánh chị D nên chị D dẫn con đi thuê nhà trọ ở từ tháng 9/2020 đến nay, trong thời gian chị D bỏ nhà đi vợ chồng không có biện pháp hòa giải, hàn gắn. Tuy nhiên, anh không đồng ý ly hôn vì con còn nhỏ cần có sự chăm sóc của cả cha lẫn mẹ, anh muốn đoàn tụ để cùng lo cho con cái ăn học.

Về con chung: Anh chị thống nhất xác định vợ chồng có hai con chung gồm: Nguyễn Hữu T1, sinh ngày 11/3/2018 và Nguyễn Thị Mỹ Q, sinh ngày 19/10/2008, hiện đang sống cùng với chị D. Khi ly hôn chị D yêu cầu được nuôi hết hai con chung, yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi hai con mỗi tháng 2.500.000đ, còn anh T xin được nuôi cháu Nguyễn Hữu T1, không yêu cầu chị D cấp dưỡng nuôi con. Trường hợp Tòa án giải quyết giao cả 02 con cho chị D nuôi dưỡng thì anh không đồng ý cấp dưỡng, nếu chị D không nuôi được thì giao hết hai con cho anh nuôi, anh sẽ không yêu cầu cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Anh T và chị D thống nhất xác định, tài sản chung của vợ chồng gồm phần đất diện tích 81m<sup>2</sup> tại thửa đất số 3217, tờ bản đồ số 16, có căn nhà cấp IV gắn liền với đất, ngang 4,5m, dài 18m (bao gồm cả sân trước, sân sau), tọa lạc tại ấp T, thị trấn C, huyện V, tỉnh Bạc Liêu. Nhà và đất mua năm 2017 của Khu dân cư Hoài Phong (Nay là khu dân cư Phúc Lộc Thọ) với giá là 380.000.000đ,

sân trước và sân sau và trang trí thêm trong nhà hết 40.000.000đ (phần tự làm). Ngoài ra, không còn tài sản nào khác. Nhà, đất do anh T đang quản lý, sử dụng.

Về nợ chung: Anh chị thống nhất xác định năm 2017, vợ chồng chị có vay Ngân hàng TMCP Á Châu chi nhánh Bạc Liêu số tiền 300.000.000đ. Mục đích vay là để trả tiền nhà, đất. Hiện nay còn nợ số tiền vốn hơn 200.000.000đ và lãi phát sinh.

Ngoài ra, chị D xác định năm 2012, vợ chồng chị có mượn của chị Châu Thúy M số tiền 13.000.000đ để mở quán cà phê. Khoảng 01 năm sau, buôn bán cà phê không có lời nên kêu chị M lấy bàn, ghế để trừ nợ được số tiền 4.500.000đ, còn nợ lại 8.500.000đ, năm 2017, vợ chồng chị có mượn thêm 15.000.000đ để thêm vào tiền mua nhà. Cũng trong năm 2017, vợ chồng chị có trả cho chị M được 6.500.000đ (trả 01 lần). Hiện nay còn nợ chị M tổng số tiền 17.000.000đ và đầu năm 2018, vợ chồng chị có mượn của em gái là Châu Hồng Y 13 chỉ vàng 18k (bộ lắc tay) để trang trải cuộc sống gia đình, khoảng giữa năm 2018 khi mới sinh con, vợ chồng mượn từ sổ tiết kiệm của chị Y số tiền 15.000.000đ. Tổng số tiền vợ chồng nợ chị Y là 13 chỉ vàng 18k và 15.000.000đ chưa thanh toán. Anh T không thừa nhận các khoản nợ của chị M và chị Y.

Khi ly hôn chị D yêu cầu tài sản chung là 01 căn nhà cấp IV gắn liền với đất, chị xác định giá trị nhà đất là 800.000.000đ thành 4 phần cho vợ chồng và hai con mỗi người một phần bằng nhau, chị đồng ý giao nhà, đất cho anh T quản lý, sử dụng, chị và các con nhận giá trị. Về nợ Ngân hàng và nợ chị M, chị Y yêu cầu vợ chồng cùng có trách nhiệm thanh toán nợ.

Anh T xác định, vợ chồng còn khoản nợ Ngân hàng TMCP Phương Đông – Chi nhánh Bạc Liêu, vay ngày 28/01/2019 số tiền vốn 60.000.000đ, anh là người đứng tên vay, mục đích vay là hoàn thiện nhà, làm mái che trước, mái che sau, mua sắm vật dụng trong gia đình. Hình thức thanh toán là trả hàng tháng. Đối với số nợ này anh đã thanh toán xong cho Ngân hàng TMCP Phương Đông – chi nhánh Bạc Liêu vào ngày 07/01/2022. Anh không yêu cầu chị D trả cho anh số tiền nợ anh đã thanh toán cho ngân hàng.

Ngày 04/02/2021, chị D có cầm xe máy biển kiểm soát số 94B1 – 223.63 hiệu Sirius Fi, số tiền 6.000.000 đồng, cầm cho Công ty Srisawad, địa chỉ ở 134/4 Khóm 2, Phường 7, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu. Khi chị D bỏ đi anh đã bỏ tiền ra để trả cho công ty số tiền 4.450.000đ, anh không yêu cầu chị D thanh toán cho anh phần này.

Anh xác định khi chung sống, anh và chị D có mượn tiền, vàng của chị M, chị Y nhưng anh không biết chính xác số tiền, vàng là bao nhiêu, nên anh không đồng ý cùng có trách nhiệm thanh toán theo yêu cầu của chị M, chị Y.

*Theo ông Trần Trung T, người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng TMCP Á Châu trình bày:* Ngày 28/11/2017, chị Châu Hồng D, anh Nguyễn Hữu T ký kết hợp đồng số BLI.CN.531241117 để vay số tiền 300.000.000đ, thời hạn vay 180 tháng, lãi suất trong hạn 9%/năm trong thời hạn 06 tháng đầu tiên. Lãi suất sau đó được điều chỉnh 03 tháng/lần, lãi suất quá hạn 150% lãi suất trong hạn. Tài sản thế

chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS 04438 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bạc Liêu cấp ngày 06/11/2017 tại thửa đất số 3217, tờ bản đồ số 16, địa chỉ ấp T, thị trấn C, huyện V, tỉnh Bạc Liêu do anh Nguyễn Hữu T, chị Châu Hồng D đứng tên theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất số BLI.BĐCN.217.241117 được công chứng tại phòng công chứng số 1, tỉnh Bạc Liêu. Quá trình vay vốn, anh T, chị D đã vi phạm thời hạn thanh toán và hiện nay chị D và anh T đang tranh chấp ly hôn trong đó có yêu cầu chia tài sản là quyền sử dụng đất đang thế chấp tại Ngân hàng, nên Ngân hàng yêu cầu chị Châu Hồng D và anh Nguyễn Hữu T có trách nhiệm thanh toán nợ cho Ngân hàng TMCP Á Châu số tiền tính đến ngày 22/9/2022 là 235.130.342đ gồm vốn 190.518.000đ, lãi trong hạn 17.233.430đ, lãi quá hạn 27.378.912đ, yêu cầu lãi phát sinh từ ngày 23/9/2022 đến ngày trả hết nợ. Đề nghị rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với anh Nguyễn Hữu T, chị Châu Hồng D, không yêu cầu thanh toán tiền phạt chậm trả lãi, phạt trễ kỳ số tiền 1.677.996đ. Trường hợp chị D, anh T không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì yêu cầu xử lý tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa số 3217, tờ bản đồ số 16, tọa lạc tại ấp T, thị trấn C, huyện V, tỉnh Bạc Liêu để thu hồi nợ.

*Theo chị Châu Thúy M, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:* Năm 2012, chị có cho vợ chồng chị Châu Hồng D mượn 13.000.000đ để vợ chồng chị D mở quán cà phê. Khi đưa tiền không làm giấy tờ, chị là người trực tiếp đưa tiền cho chị D, đưa tại nhà chị. Khi đưa tiền không có mặt anh T nhưng sau đó chị có nói cho anh T biết việc chị đưa tiền cho chị D và việc đưa tiền là để vợ chồng chị D mở quán cà phê nên anh T biết. Khoảng 01 năm sau, vợ chồng D buôn bán cà phê không có lời nên kêu chị lấy bàn, ghế để trừ nợ và chị đồng ý lấy bàn ghế để trừ nợ được số tiền 4.500.000đ, còn lại 8.500.000đ. Khi lấy bàn ghế anh T biết vì anh T là người mang bàn ghế ra xe thuê để chở về nhà chị. Ngoài ra, đến năm 2017, chị có cho vợ chồng D mượn 15.000.000 đồng để mua nhà. Chị là người đưa tiền cho D tại nhà chị nhưng T biết vì T là người điện thoại cho chị và hứa trả mỗi tháng 1.000.000đ, khi mượn không làm giấy tờ. Cũng trong năm 2017, D có đem tiền xuống trả cho chị được 6.500.000đ (trả 01 lần). Khi mượn tiền, vợ chồng D hứa sẽ trả hàng tháng nhưng khi không thấy trả tiền chị có điện thoại cho T thì T hứa sẽ trả tiền cho chị nên việc T nói không biết việc mượn tiền của chị là không đúng.

Tổng số tiền vợ chồng chị D, anh T đã mượn của chị 02 lần là 28.000.000đ. Đã thanh toán được 02 lần số tiền 11.000.000đ (lần lấy tiền bàn ghế trừ nợ là 4.500.000đ và lần trả nợ 6.500.000đ). Số tiền hiện nay chị D, anh T còn nợ chị là 17.000.000đ, nay chị yêu cầu chị D và anh T cùng có trách nhiệm giao trả số tiền 17.000.000đ, chị không yêu cầu tính lãi suất.

*Theo chị Châu Hồng Y, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:* Đầu năm 2018, chị có cho chị Châu Hồng D mượn 13 chỉ vàng 18k (bộ lắc tay) để trang trải cuộc sống gia đình, chị là người đưa vàng cho chị D, khi đưa không có anh T nhưng anh T là người kêu chị D xuống nhà chị mượn vàng, không nhớ giá vàng tại thời điểm cho mượn. Sau khi đưa vàng cho chị D thì chị D đem về đưa cho anh T đem đi cầm được số tiền 25.000.000đ, số vàng này hiện nay chưa trả cho chị. Ngoài ra, giữa năm 2018, chị có đưa cho chị D số tiền 55.000.000đ để chị D mở sổ tiết

kiệm. Khi chị D hỏi mượn tiền thì chị đồng ý cho chị D rút 15.000.000đ từ sổ tiết kiệm, mục đích mượn để làm gì thì chị không biết. Anh T là người lên tiếng mượn tiền vì hoàn cảnh khó khăn, chị D vừa sinh con thứ hai nên cuộc sống khó khăn, anh T là người đưa chị D đi rút tiền từ sổ tiết kiệm. Nay chị yêu cầu anh Nguyễn Hữu T và chị Châu Hồng D cùng có trách nhiệm thanh toán cho chị số tiền là 15.000.000đ và 13 chỉ vàng 18k, không yêu cầu tính lãi.

Từ nội dung trên, tại Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 68/2022/HNGĐ-ST ngày 22/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện V, đã quyết định:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Châu Hồng D đối với anh Nguyễn Hữu T. Xử cho chị Châu Hồng D ly hôn với anh Nguyễn Hữu T.

2. Về con chung: Tiếp tục giao các cháu Nguyễn Thị Mỹ Q, sinh ngày 19/10/2008 (Giới tính: Nữ) và Nguyễn Hữu T1, sinh ngày 11/3/2018 (Giới tính: Nam) cho chị Châu Hồng D trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

Anh Nguyễn Hữu T có nghĩa vụ cấp dưỡng cho các cháu Nguyễn Thị Mỹ Q, sinh ngày 19/10/2008 (Giới tính: Nữ) và Nguyễn Hữu T1, sinh ngày 11/3/2018 (Giới tính: Nam) mỗi tháng 1.000.000 đồng (Một triệu đồng)/cháu. Thời gian cấp dưỡng được tính kể từ ngày 22/9/2022 đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

Anh Nguyễn Hữu T không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung:

3.1. Giao cho anh Nguyễn Hữu T được toàn quyền quản lý, sử dụng phần đất ở tại đô thị diện tích 81m<sup>2</sup> tại thửa đất số 3217, tờ bản đồ số 16, tọa lạc tại ấp T, thị trấn C, huyện V, tỉnh Bạc Liêu, có căn nhà cấp IV gắn liền với đất, ngang 4,5m, dài 18m (bao gồm cả sân trước, sân sau).

3.2. Chia cho chị Châu Hồng D ½ giá trị tài sản chung sau khi trừ đi tiền trả nợ Ngân hàng TMCP Á Châu là 179.907.025đ.

4. Về nợ chung:

4.1. Anh Nguyễn Hữu T có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng TMCP Á Châu số tiền tính đến ngày 22/9/2022 là 235.130.342đ (Hai trăm ba mươi lăm triệu một trăm ba mươi nghìn ba trăm bốn mươi hai đồng) gồm vốn 190.518.000đ, lãi trong hạn 17.233.430đ, lãi quá hạn 27.378.912đ và phải tiếp tục chịu khoản lãi phát sinh sau ngày 22/9/2022 cho đến khi thanh toán hết nợ. Trường hợp anh Nguyễn Hữu T không thanh toán nợ hoặc thanh toán không đầy đủ thì Ngân hàng TMCP Á Châu có quyền yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa số 3217, tờ bản đồ số 16, tọa lạc tại ấp T, thị trấn C, huyện V, tỉnh Bạc Liêu theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất số BLI.BĐCN.217.241117 để thu hồi nợ.

Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng TMCP Á Châu thì lãi suất

mà anh Nguyễn Hữu T phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng TMCP Á Châu, theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng TMCP Á Châu.

4.2. Chị Châu Hồng D có nghĩa vụ thanh toán cho chị Châu Thúy M số tiền 8.500.000đ (Tám triệu năm trăm nghìn đồng) và thanh toán cho chị Châu Hồng Y số tiền 7.500.000đ (Bảy triệu năm trăm nghìn đồng), 6,5 chỉ vàng 18k.

4.3. Anh Nguyễn Hữu T có nghĩa vụ thanh toán cho chị Châu Thúy M số tiền 8.500.000đ (Tám triệu năm trăm nghìn đồng), thanh toán cho chị Châu Hồng Y số tiền 7.500.000đ (Bảy triệu năm trăm nghìn đồng), 6,5 chỉ vàng 18k.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên án phí, chi phí xem xét thẩm định, định giá tài sản, lãi suất trong giai đoạn thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án và quyền kháng cáo theo quy định.

Ngày 01/10/2022, anh T kháng cáo toàn bộ Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm, yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét về quan hệ hôn nhân anh không đồng ý ly hôn, về con chung anh yêu cầu được nuôi 01 con chung là cháu Nguyễn Hữu T1, yêu cầu xem xét lại mức cấp dưỡng nuôi con, không đồng ý giao trả khoản nợ của chị M và chị Y, yêu cầu chị D có trách nhiệm hoàn trả lại cho anh số tiền anh trả nợ Ngân hàng từ ngày chị Diễm bỏ nhà đi từ tháng 9/2020 đến nay. Tại phiên tòa phúc thẩm, anh T rút một phần kháng cáo về quan hệ hôn nhân, anh đồng ý ly hôn, đồng ý giao hết hai con cho chị D nuôi dưỡng, yêu cầu ngăn đôi nhà chia mỗi người một phần.

Ngày 03/10/2022 Ngân hàng TMCP Á Châu kháng cáo yêu cầu chị D và anh T cùng có trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng, vì khi vay cả hai cùng ký hợp đồng vay, nhưng Tòa án buộc một mình anh T trả nợ Ngân hàng chưa đảm bảo quyền lợi của Ngân hàng. Tại phiên tòa anh Trần Trung T là người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng rút toàn bộ kháng cáo.

Ý kiến trình bày của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu:

- Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và Thư ký từ khi thụ lý tới thời điểm này thấy rằng: Thẩm phán Chủ tọa phiên tòa, Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng quy định pháp luật, việc giao, tổng đạt các văn bản tố tụng cho Viện kiểm sát cho các đương sự đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, tại phiên tòa phúc thẩm, Hội đồng xét xử, các đương sự đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án.

- Về nội dung: Tại phiên tòa anh T rút một phần kháng cáo về quan hệ hôn nhân, xin nuôi con và đại diện Ngân hàng xin rút toàn bộ kháng cáo, nên đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử phúc thẩm. Đối với các kháng cáo còn lại của anh T về cấp dưỡng nuôi con, về nợ chung cấp sơ thẩm đã phân chia tài sản chung, nợ chung có căn cứ, đúng quy định pháp luật, nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của anh T, áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của anh T, giữ nguyên Bản án Hôn nhân và gia đình

sơ thẩm số 68/2022/HNGĐ-ST ngày 22/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Bạc Liêu.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, sau khi nghe ý kiến đề xuất của Viện kiểm sát, sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của anh T và của Ngân hàng nộp trong thời hạn luật định, hình thức và nội dung đơn kháng cáo được thực hiện đúng quy định tại các Điều 272, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự, nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về sự có mặt của các đương sự: Các đương sự, Kiểm sát viên có mặt tại phiên tòa theo quy định tại Điều 294 Bộ luật Tố tụng dân sự, nên căn cứ Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự tiếp tục xét xử vụ án.

[3] Về nội dung:

[3.1] Xét việc rút một phần kháng cáo của anh T về quan hệ hôn nhân và nuôi con, cũng như việc rút kháng cáo của người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng TMCP Á Châu. Hội đồng xét xử xét thấy, việc rút một phần kháng cáo của anh T và rút toàn bộ kháng cáo của Ngân hàng là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp pháp luật, nên căn cứ, nên căn cứ điểm c khoản 1 Điều 289 Bộ luật Tố tụng dân sự đình chỉ xét xử đối với phần kháng cáo các đương sự rút.

[3.2] Xét kháng cáo của anh T về số tiền cấp dưỡng nuôi. Tại phiên tòa anh T yêu cầu được cấp dưỡng mỗi cháu mỗi tháng 500.000đ. Hội đồng xét xử xét thấy, khoản 2 Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình quy định, người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con và Điều 116 Luật hôn nhân và gia đình quy định mức cấp dưỡng do các bên thỏa thuận căn cứ vào thu nhập, khả năng thực tế của người có nghĩa vụ cấp dưỡng và nhu cầu thiết yếu của người được cấp dưỡng; nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết. Theo đó, chị D và anh T không thỏa thuận được mức cấp dưỡng, cấp sơ thẩm xem xét điều kiện, mức thu nhập của anh T và điều kiện, môi trường sinh sống của chị D hiện đang thuê nhà trọ ở để buộc anh T cấp dưỡng cho mỗi cháu, mỗi tháng 1.000.000đ là có căn cứ và phù hợp mức chi phí hợp lý cho các cháu, nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo này của anh T.

[3.3] Xét kháng cáo của anh T về tài sản chung cũng như yêu cầu chị D trả lại anh số tiền anh đã trả mỗi tháng cho Ngân hàng từ ngày chị D bỏ nhà đi từ tháng 9/2020 đến nay. Hội đồng xét xử xét thấy, tài sản chung của anh chị được hình thành từ tiền vay ngân hàng và một phần tiền chung của gia đình, theo phân kỳ trả nợ được xác định trả dần vốn lãi hàng tháng, nên hàng tháng anh chị phải có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng, tài sản chung và nợ chung được hình thành trong thời kỳ hôn nhân, nên trong thời gian chị D bỏ nhà đi thuê nhà trọ ở thì anh T có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng, cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu này của anh T là có

căn cứ, phù hợp pháp luật, nên cấp phúc thẩm không có căn cứ chấp nhận phần kháng cáo này của anh T.

Tại phiên tòa anh Thảo không đồng ý chia giá trị nhà đất khi ly hôn, anh yêu cầu ngăn đôi căn nhà mỗi người ở một bên. Hội đồng xét xử xét thấy, theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ lập ngày 20/4/2022 thể hiện chiều ngang căn nhà phủ bì 4,5m, chiều dài 14,5m, với cấu trúc căn nhà hiện tại không thể ngăn đôi để mỗi người ở một bên được, cấp sơ thẩm chia giá trị nhà đất cho chị D và giao toàn bộ căn nhà cho anh T được quản lý, sở hữu, sử dụng là phù hợp, nên không chấp nhận yêu cầu này của anh T.

[3.4] Xét kháng cáo của anh T đối với các khoản nợ của chị M và chị Y. Hội đồng xét xử xét thấy, mặc dù các khoản nợ này không có làm biên nhận có chữ ký của anh T, nhưng trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa phúc thẩm anh T xác định, trong thời gian sống chung chị D có mở quán bán cà phê, nước giải khát nhưng không có hiệu quả, chị D không có thu nhập ổn định, chỉ có anh có thu nhập ổn định nhưng phải trả nợ Ngân hàng, nên việc chị D vay mượn tiền của chị M và chị Y trong thời gian hôn nhân còn tồn tại để buôn bán, tạo thu nhập, chi tiêu cho nhu cầu thiết yếu của gia đình, nên khoản nợ của chị M và chị Y là nợ chung của vợ chồng, cấp sơ thẩm buộc anh T cùng có nghĩa vụ trả các khoản nợ của chị M và chị Y là có căn cứ, phù hợp pháp luật, nên cấp phúc thẩm không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của anh T.

[3.5] Đối với khoản nợ Ngân hàng TMCP Á Châu, tại thời điểm xét xử 22/9/2022 tổng số tiền vốn và lãi anh T, chị D còn nợ là 235.130.342đ. Tổng giá trị nhà, đất qua định giá là 594.944.393đ, trừ nợ 235.130.342đ thì tài sản chung của anh T và chị D còn lại là 359.814.051đ, mỗi người được chia  $\frac{1}{2}$  bằng số tiền 179.907.025đ. Cấp sơ thẩm giao toàn bộ nhà, đất cho anh T quản lý, sở hữu, sử dụng nên buộc anh T có trách nhiệm giao trả toàn bộ khoản nợ cho Ngân hàng là có căn cứ, phù hợp pháp luật, đảm bảo quyền lợi hợp pháp của Ngân hàng.

[4] Xét đề nghị của Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của anh T, giữ nguyên Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 68/2022/HNGĐ-ST ngày 22 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Bạc Liêu. Hội đồng xét xử xét thấy, đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ, phù hợp pháp luật nên được chấp nhận.

[5] Án phí dân sự phúc thẩm: Căn cứ khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án, anh Nguyễn Hữu T phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng).

[6] Các phần khác của Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 68/2022/HNGĐ-ST ngày 22 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Bạc Liêu, không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

*Vì các lẽ trên,*



**QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 3 Điều 157, khoản 1 Điều 158, khoản 2 Điều 165, khoản 2 Điều 166, khoản 1 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 56, 81, 82, 83, 116, 117, 118 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; các Điều 317, 323, 463, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 91, khoản 1 Điều 95, điểm a khoản 3 Điều 98 của Luật các tổ chức tín dụng; Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của anh Nguyễn Hữu T, giữ nguyên Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 68/2022/HNGĐ-ST ngày 22 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Bạc Liêu.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của chị Châu Hồng D đối với anh Nguyễn Hữu T.

Xử cho chị Châu Hồng D, sinh năm 1984 được ly hôn với anh Nguyễn Hữu T, sinh năm 1979.

2. Về con chung:

2.1. Tiếp tục giao các cháu Nguyễn Thị Mỹ Q, sinh ngày 19/10/2008 và cháu Nguyễn Hữu T1, sinh ngày 11/3/2018 cho chị Châu Hồng D trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

2.2. Cấp dưỡng nuôi con: Buộc anh Nguyễn Hữu T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Nguyễn Thị Mỹ Q, sinh ngày 19/10/2008 và cháu Nguyễn Hữu T1, sinh ngày 11/3/2018, mỗi cháu mỗi tháng 1.000.000đ. Thời gian cấp dưỡng được tính kể từ ngày 22/9/2022 đến khi các cháu tròn 18 tuổi.

2.3. Anh Nguyễn Hữu T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung:

3.1. Chia cho anh Nguyễn Hữu T  $\frac{1}{2}$  giá trị căn nhà và phần đất diện tích 81m<sup>2</sup>, tại thửa đất số 3217, tờ bản đồ số 16, khu dân cư Phúc Lộc Thọ, tọa lạc tại ấp T, thị trấn C, huyện V, tỉnh Bạc Liêu.

Giao cho anh Nguyễn Hữu T được quyền quản lý, sở hữu, sử dụng toàn bộ nhà đất có vị trí, số đo các cạnh như sau:

- Cạnh hướng Đông giáp thửa đất số 3218 có số đo 18m,
- Cạnh hướng Tây giáp thửa đất số 3216 có số đo 18m,
- Vạch hướng Nam giáp thửa đất số 3191 (đường bê tông) số đo 4,5m,
- Cạnh hướng Bắc giáp thửa đất số 3191 (đường nhựa) số đo 4,5m

Căn nhà chính cấp IV ngang 4,5m, dài 14,5m, diện tích 65,25m<sup>2</sup>. Nhà có cấu trúc móng sườn bê tông cốt thép, vách tường xây, nền gạch men, trần la phong, mái tôn thiếc. Nhà loại IV.42; mái che 1: Khung sườn thép, mái thiếc, nền gạch bông, ngang 4,5m, dài 2,5m, diện tích 11,25m<sup>2</sup>; mái che 2: Khung sườn thép, mái thiếc, nền gạch bông, ngang 4,5m, dài 1m, diện tích 4,5m<sup>2</sup>.

3.2. Chia cho chị Châu Hồng D  $\frac{1}{2}$  giá trị nhà đất, buộc anh Nguyễn Hữu T có nghĩa vụ hoàn lại cho chị Châu Hồng D  $\frac{1}{2}$  giá trị tài sản chung sau khi trừ khoản nợ Ngân hàng TMCP Á Châu tại thời điểm xét xử bằng số tiền 179.907.025 đồng (Một trăm bảy mươi chín triệu, chín trăm lẻ bảy ngàn, không trăm hai mươi lăm đồng).

3.3. Anh Nguyễn Hữu T có quyền đến cơ quan có thẩm quyền để kê khai, đăng ký biến động phần đất được giao theo quy định pháp luật.

#### 4. Về nợ chung:

4.1. Buộc anh Nguyễn Hữu T có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TMCP Á Châu số tiền vốn và lãi tính đến ngày 22/9/2022 là 235.130.342 đồng (Hai trăm ba mươi lăm triệu, một trăm ba mươi ngàn, ba trăm bốn mươi hai đồng) gồm: vốn 190.518.000đ, lãi suất trong hạn 17.233.430đ, lãi quá hạn 27.378.912đ.

Trường hợp anh Nguyễn Hữu T không thanh toán nợ hoặc thanh toán không đầy đủ thì Ngân hàng TMCP Á Châu có quyền yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa số 3217, tờ bản đồ số 16, tọa lạc tại ấp T, thị trấn C, huyện V, tỉnh Bạc Liêu theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất số BLI.BĐCN.217.241117 để thu hồi nợ.

4.2. Kể từ ngày 23/9/2022, anh Nguyễn Hữu T còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản tiền nợ gốc này.

Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng TMCP Á Châu thì lãi suất mà anh Nguyễn Hữu Thảo phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng TMCP Á Châu, theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng TMCP Á Châu.

4.3. Buộc chị Châu Hồng D có nghĩa vụ trả cho chị Châu Thúy M số tiền 8.500.000đ (Tám triệu năm trăm ngàn đồng); trả cho chị Châu Hồng Y số tiền 7.500.000đ (Bảy triệu năm trăm ngàn đồng) và 06 (sáu) chỉ 05 (năm) phân vàng 18k.

4.4. Buộc anh Nguyễn Hữu T có nghĩa vụ trả cho chị Châu Thúy M số tiền 8.500.000đ (Tám triệu năm trăm ngàn đồng); trả cho chị Châu Hồng Y số tiền 7.500.000đ (Bảy triệu năm trăm ngàn đồng) và 06 (sáu) chỉ 05 (năm) phân vàng 18k.

5. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

6. Về chi phí tố tụng: Chi phí xem xét, thẩm định và định giá 1.663.800đ (Một triệu sáu trăm sáu mươi ba ngàn tám trăm đồng). Chị Châu Hồng D và anh Nguyễn Hữu T mỗi người phải chịu 831.900đ (Tám trăm ba mươi một ngàn chín trăm đồng). Chị Châu Hồng D đã nộp tạm ứng số tiền 1.663.800đ. Buộc anh Nguyễn Hữu T có trách nhiệm hoàn trả lại cho chị Châu Hồng D số tiền 831.900đ (Tám trăm ba mươi một ngàn chín trăm đồng).

7. Về án phí hôn nhân và gia đình, án phí dân sự sơ thẩm, phúc thẩm:

7.1. Án phí hôn nhân gia đình, chia tài sản chung chị Châu Hồng D phải chịu 17.216.734đ (Mười bảy triệu, hai trăm mười sáu ngàn, bảy trăm ba mươi bốn đồng), chị Châu Hồng D đã nộp tạm ứng án phí số tiền 13.320.000đ, theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000786 ngày 01/01/2022, tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện V, tỉnh Bạc Liêu được chuyển thu án phí, chị D phải nộp tiếp số tiền 3.896.734đ (Ba triệu, tám trăm chín mươi sáu ngàn, bảy trăm ba mươi bốn đồng) tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu.

7.2. Án phí chia tài sản chung, anh Nguyễn Hữu T phải chịu 17.216.734đ (Mười bảy triệu hai trăm mười sáu ngàn bảy trăm ba mươi bốn đồng) tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện V, tỉnh Bạc Liêu.

7.3. Ngân hàng TMCP Á Châu không phải nộp án phí, Ngân hàng đã nộp tạm ứng án phí số tiền 6.000.000 đồng (Sáu triệu đồng), theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001018 ngày 13/5/2022, tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện V, tỉnh Bạc Liêu được hoàn lại đủ.

7.4. Chị Châu Thúy M không phải nộp án phí, chị Châu Thúy M đã nộp tạm ứng án phí số tiền 425.000đ (Bốn trăm hai mươi lăm ngàn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001110 ngày 19/7/2022, tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện V, tỉnh Bạc Liêu được hoàn lại đủ.

7.5. Chị Châu Hồng Y không phải nộp án phí, chị Châu Hồng Y đã nộp tạm ứng án phí số tiền 1.675.000đ (Một triệu, sáu trăm bảy mươi lăm ngàn đồng), theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001111 ngày 19/7/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện V, tỉnh Bạc Liêu được hoàn lại đủ.

7.6. Án phí dân sự phúc thẩm anh Nguyễn Hữu T phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng), anh Nguyễn Hữu T đã nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000đ theo biên lai thu số 0001212 ngày 10/10/2022, tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện V, tỉnh Bạc Liêu được chuyển thu án phí.

7.7. Án phí dân sự phúc thẩm Ngân hàng TMCP Á Châu không phải, anh Trần Trung T đã nộp tạm ứng án phí thay cho Ngân hàng số tiền 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng), theo biên lai thu số 0001233 ngày 14/10/2022, tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện V, tỉnh Bạc Liêu được hoàn lại đủ.

8. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi

hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử phúc thẩm công khai có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận:***

- TANDCC tại TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Bạc Liêu;
- TAND huyện V;
- CCTHADS huyện V;
- UBND Phường 8;
- Các đương sự;
- Lưu HS, Tổ HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

**Bùi Anh Tuấn**